

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010	01/7/2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2 221 856 402 650	2 759 870 783 872
Tiền và tương đương tiền	110	V.1	1 586 517 567 071	1 444 650 113 235
Tiền	111		163 517 567 071	194 039 819 805
Các khoản tương đương tiền	112		1 423 000 000 000	1 250 610 293 430
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	515 716 334 290	1 234 551 167 410
Đầu tư ngắn hạn	121		681 506 965 750	1 310 236 736 840
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		(165 790 631 460)	(75 685 569 430)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.10	111 764 315 107	57 516 002 803
Phải thu khách hàng	131		13 267 902 399	14 226 683 332
Trả trước cho người bán	132		295 728 827	590 412 317
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		86 344 424 191	30 783 246 306
Các khoản phải thu khác	138		11 856 259 690	11 915 660 848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	V.2	765 631 454	888 540 593
Công cụ dụng cụ	143		765 631 454	888 540 593
Tài sản ngắn hạn khác	150		7 092 554 728	22 264 959 831
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4 267 165 068	1 169 014 371
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1 179 889 660	1 179 889 660
Tài sản ngắn hạn khác	158		1 645 500 000	19 916 055 800
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		236 148 334 778	303 127 013 979
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		11 050 990 729	12 992 485 675
Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	6 484 451 959	7 900 670 329
- Nguyên giá	222		22 129 447 857	22 118 247 857
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15 644 995 898)	(14 217 577 528)
Tài sản cố định vô hình	227	V.6	4 566 538 770	5 091 815 346
- Nguyên giá	228		6 774 528 000	6 774 528 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2 207 989 230)	(1 682 712 654)
Chi phí XDCB dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		216 879 813 950	282 247 752 000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		216 879 813 950	282 247 752 000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		8 217 530 099	7 886 776 304
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1 264 291 928	2 185 709 125
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.8	2 532 299 921	1 280 128 929
Tài sản dài hạn khác	268		4 420 938 250	4 420 938 250
CỘNG	270		2 458 004 737 428	3 062 997 797 851



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010	01/7/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		173 130 940 895	585 094 062 049
Nợ ngắn hạn	310		172 264 017 626	584 215 738 780
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		-	468 992 811
Người mua trả tiền trước	313		497 000 000	723 000 000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	357 178 469	567 060 917
Phải trả người lao động	315		858 885 574	994 939 481
Chi phí phải trả	316	V.11	1 077 519 561	1 767 711 842
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		159 035 448 060	169 564 880 903
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		9 484 413 262	9 627 274 515
Phải trả hộ cổ tức gốc và lãi trái phiếu	321		-	244 558 551
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	328	V.12	953 572 700	400 257 319 760
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		866 923 269	878 323 269
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	VII.2	865 910 769	865 910 769
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1 012 500	12 412 500
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2 284 873 796 533	2 477 903 735 802
Vốn chủ sở hữu	410	V.13	2 284 873 796 533	2 477 903 735 802
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2 025 000 000 000	2 025 000 000 000
Thặng dư vốn cổ phần	412		444 716 419 000	444 716 419 000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		13 530 413 994	13 530 413 994
<i>Dự trữ theo pháp định</i>			<i>6 765 206 997</i>	<i>6 765 206 997</i>
<i>Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán</i>			<i>6 765 206 997</i>	<i>6 765 206 997</i>
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(198 373 036 461)	(5 343 097 192)
CỘNG NGUỒN VỐN	440		2 458 004 737 428	3 062 997 797 851

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/9/2010	01/7/2010
Tài sản thuê ngoài	001	-	-
Vật tư chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	9 448 91	15 145 67
USD		9 448 91	15 145 67
Chứng khoán lưu ký	006	4 377 626 550 000	3 794 354 170 000
Chứng khoán giao dịch	007	1 739 526 470 000	2 362 364 570 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	775 548 810 000	1 027 855 560 000
Chứng khoán cầm cố	017	1 414 587 780 000	392 007 940 000
Chứng khoán tạm giữ	022	430 594 990 000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	028	17 368 500 000	12 126 100 000
Chứng khoán lưu ký Cty đại chúng chưa niêm yết	050	8 863 630 000	5 822 150 000
Chứng khoán giao dịch	051	8 622 630 000	5 817 150 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
Chứng khoán cầm cố	061	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	066	241 000 000	5 000 000
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của C.ty chứng khoán	083	81 389 100 000	86 712 000 000

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TÂN HUY BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.2010	Quý III.2009
Doanh thu	01		60 705 123 323	208 383 792 435
Trong đó				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3 160 349 324	9 094 214 231
Doanh thu hoạt động đầu tư CK góp vốn	01.2		14 606 036 093	186 849 979 233
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		60 000 000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		640 000 000	205 000 000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		363 598 809	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		80 172 792	2 200 000
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1 022 601 987	690 013 405
Doanh thu khác	01.9		40 772 364 318	11 542 385 566
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		60 705 123 323	208 383 792 435
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		249 920 231 625	26 278 400 794
<i>Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>			<i>(90 105 062 030)</i>	<i>8 728 777 860</i>
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(189 215 108 302)	182 105 391 641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3 814 830 967	3 317 878 359
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(193 031 089 269)	178 787 513 282
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	42 568 667
Lợi nhuận khác	40		-	(33 477 758)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(193 029 939 269)	178 754 035 524
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(193 029 939 269)	178 754 035 524
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(953.23)	2 741.63

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THUỶ LINH

PHẠM TẤN HUY BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III.2010	Quý III.2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1	326 756 870 207	1 581 002 798 705
Tiền chi hoạt động kinh doanh	2	(112 397 253 024)	(1 581 526 060 044)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5	(1 252 170 992)	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6	922 279 932 388	352 391 679 665
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7	(543 493 658 687)	(350 162 788 283)
Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9	(65 562 400 000)	(700 451 000)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(5 223 617 387)	(2 419 613 965)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(4 524 416 029)	(2 954 841 652)
Tiền chi trả lãi vay	12	(3 465 000 021)	(392 795 233)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	158 144 136 005	72 806 228 582
Tiền chi khác	15	(556 147 362 249)	(74 375 998 283)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD chứng khoán	20	115 115 060 211	(6 331 841 508)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(47 912 250)
Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26 752 393 625	8 197 730 405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26 752 393 625	8 149 818 155
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	123 600 000 000
Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(27 046 550 000)
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	96 553 450 000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	141 867 453 836	98 371 426 647
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1 444 650 113 235	825 739 628 819
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1 586 517 567 071	924 111 055 466

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỦY LINH

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TÂN HUY BẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01 tháng 8 năm 2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2006. Trong quá trình hoạt động các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009 Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/07/2009 Quyết định số 277/UBCK - GP ngày 9/11/2009; Quyết định số 290/UBCK ngày 24/12/2009 Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Ngày 26/8/2008 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 550/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán. Theo đó Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long được lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 290/UBCK ngày 24/12/2009 là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán lưu ký chứng khoán.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2010 và kết thúc tại ngày 30/9/2010 không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi các chức năng hoạt động được cho phép.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công quận Ba Đình thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2 lầu 2 tòa nhà Centec Tower số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai Phường 6 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30 tháng 9 năm 2010 tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 118 người. Trong đó số cán bộ quản lý là 26 người.

II. KỶ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 năm dương lịch;

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2010 và kết thúc tại ngày 30/9/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

VI. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá sau khi quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt tiền gửi các khoản công nợ ngắn hạn (nhỏ hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán Đầu năm sau số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế;

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Máy móc thiết bị	07
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	03
Tài sản khác	05
Phần mềm giao dịch	03

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc;

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn dài hạn:

+ Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 30 tháng 9 năm 2010 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.

+ Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chủ yếu là tiền thuê nhà giá trị các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các khoản chi phí khác được phân bổ theo kỳ thanh toán trong thời gian dưới 1 năm kể từ khi phát sinh

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các chi phí khác. Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm kể từ khi phát sinh.

6. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa và dịch vụ đã nhận và sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết) thu lợi tức cổ phiếu lãi trái phiếu;
- Doanh thu bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ kế toán;
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ cho thuê nhà của Công ty;
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi tiền lãi cho vay vốn lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

9. Các nghĩa vụ thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập Công ty được áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	Đơn vị: VND	
	30/9/2010	01/7/2010
Tiền mặt	52 505 167	111 539 846
Tiền gửi ngân hàng	14 854 526 591	15 881 546 988
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK	133 489 317 379	159 787 598 732
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	15 121 217 934	18 259 134 239
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1 423 000 000 000	1 250 610 293 430
Cộng	1 586 517 567 071	1 444 650 113 235

2. Hàng tồn kho

	Đơn vị: VND	
	30/9/2010	01/7/2010
Nguyên liệu vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	765 631 454	888 540 593
Cộng	765 631 454	888 540 593

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Đơn vị: VND	
	Khối lượng CK giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Công ty chứng khoán	17 917 305	891 910 170 960
Cổ phiếu	17 887 303	488 910 170 960
Trái phiếu	30 002	403 000 000 000
Của người đầu tư	59 171 020	1 398 503 371 000
Cổ phiếu	59 171 020	1 398 503 371 000
Tổng cộng	77 088 325	2 290 413 541 960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số lượng CK	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Chứng khoán T.mại	16 444 456	681 479 805 750	8 697 960 010	165 790 631 460	524 387 134 300
<i>Cổ phiếu</i>	<i>16 444 456</i>	<i>681 479 805 750</i>	<i>8 697 960 010</i>	<i>165 790 631 460</i>	<i>524 387 134 300</i>
Chứng khoán đầu tư	7 868 910	216 879 813 950	-	-	216 879 813 950
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>7 838 910</i>	<i>216 579 813 950</i>	-	-	<i>216 579 813 950</i>
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>30 000</i>	<i>3 000 000 000</i>	-	-	<i>3 000 000 000</i>
Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-	-

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị Quản lý</i>	<i>TSCĐ Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	1 685 730 744	2 700 947 515	17 192 639 806	538 929 792	22 118 247 857
- Mua trong kỳ	11 200 000	-	-	-	11 200 000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1 696 930 744	2 700 947 515	17 192 639 806	538 929 792	22 129 447 857
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	498 078 933	583 756 985	12 935 284 429	200 457 181	14 217 577 528
- Khấu hao trong kỳ	59 624 313	56 702 547	1 282 572 505	28 519 005	1 427 418 370
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	557 703 246	640 459 532	14 217 856 934	228 976 186	15 644 995 898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1 187 651 811	2 117 190 530	4 257 355 377	338 472 611	7 900 670 329
Tại ngày cuối kỳ	1 139 227 498	2 060 487 983	2 974 782 872	309 953 606	6 484 451 959

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/7/2010 và kết thúc vào ngày 30/9/2010

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

				Đơn vị: VND
	<i>Phần mềm GD</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	6 774 528 000	-	-	6 774 528 000
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6 774 528 000	-	-	6 774 528 000
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	1 682 712 654	-	-	1 682 712 654
- Khấu hao trong kỳ	525 276 576	-	-	525 276 576
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2 207 989 230	-	-	2 207 989 230
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	5 091 815 346	-	-	5 091 815 346
Tại ngày cuối kỳ	4 566 538 770	-	-	4 566 538 770

7. Chi phí trả trước dài hạn

		Đơn vị: VND	
		30/9/2010	01/7/2010
1	Chi phí công cụ dụng cụ	247 727 987	448 759 901
2	Chi phí khác	2 016 563 941	1 736 949 224
	Cộng	2 264 291 928	2 185 709 125

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

		Đơn vị: VND
		30/9/2010
-	Tiền nộp ban đầu	120 000 000
-	Tiền nộp bổ sung	2 266 590 773
-	Tiền lãi phân bổ trong năm	145 709 148
	Cộng	2 532 299 921